|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN **BHXH ….........** | |  | | | | | | | | |
| **TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BHXH VỀ TNLĐ, BNN Tháng ….... Năm …....** | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên chỉ tiêu thống kê** | | **Số người** | | | | | | **Tổng kinh phí thực hiện trong tháng (1) (đồng)** | |
| Phát sinh mới trong tháng | | | | **Tổng số thực hiện trong tháng (1)** |  | |
| Tổng số | Lần đầu | Tái phát | Tổng hợp |
| A | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | |
| **1** | **Số được hưởng hàng tháng** | |  |  |  |  |  |  | |
| 1.1 | Người bị tai nạn lao động (TNLĐ) | |  |  |  |  |  |  | |
| a | Trong đó, suy giảm khả năng lao động (KNLĐ) 31% - 40% | |  |  |  |  |  |  | |
| b | 41% - 50% | |  |  |  |  |  |  | |
| c | 51% - 60% | |  |  |  |  |  |  | |
| d | 61% - 70% | |  |  |  |  |  |  | |
| đ | 71% - 80% | |  |  |  |  |  |  | |
| e | 81% - 100% | |  |  |  |  |  |  | |
| 1.2 | Người bị bệnh nghề nghiệp (BNN) | |  |  |  |  |  |  | |
| a | Trong đó, suy giảm KNLĐ: 31% - 40% | |  |  |  |  |  |  | |
| b | 41% - 50% | |  |  |  |  |  |  | |
| c | 51% - 60% | |  |  |  |  |  |  | |
| d | 61% - 70% | |  |  |  |  |  |  | |
| đ | 71% - 80% | |  |  |  |  |  |  | |
| e | 81% - 100% | |  |  |  |  |  |  | |
| 1.3 | Phục vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | |  |  |  |  |  |  | |
| **2** | **Số được hưởng một lần (2)** | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.1 | Trợ cấp tai nạn lao động 1 lần | |  |  |  |  |  |  | |
| a | Trong đó, suy giảm KNLĐ: từ 5 % - 10% | |  |  |  |  |  |  | |
| b | 11% - 20% | |  |  |  |  |  |  | |
| c | 21% - 30% | |  |  |  |  |  |  | |
| d | Chết do TNLĐ | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.2 | Trợ cấp BNN 1 lần | |  |  |  |  |  |  | |
| a | Trong đó, suy giảm KNLĐ từ 5 % - 10% | |  |  |  |  |  |  | |
| b | 11% - 20% | |  |  |  |  |  |  | |
| c | 21% - 30% | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.3 | Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.4 | Giám định thương tật | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.5 | Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.5.1 | Khám bệnh nghề nghiệp | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.5.2 | Chữa bệnh nghề nghiệp | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.5.3 | Phục hồi chức năng lao động | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.5.4 | Điều tra lại | |  |  |  |  |  |  | |
| 2.5.5 | Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động | |  |  |  |  |  |  | |
| 2,6 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | |  |  |  |  |  |  | |
| 2,7 | Mua bảo hiểm y tế | |  |  |  |  |  |  | |
| **3** | **Người bị tai nạn giao thông được hưởng chế độ TNLĐ (3)** | |  |  |  |  |  |  | |
| 3.1 | Số được hưởng hằng tháng | |  |  |  |  |  |  | |
| 3.2 | Số được hưởng một lần | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** (Ký, ghi rõ họ tên) | | **TRƯỞNG PHÒNG CHẾ ĐỘ BHXH** (Ký, ghi rõ họ tên) | | | | **GIÁM ĐỐC ……..** (Ký, ghi rõ họ tên) | | | | |
| ***Ghi chú:***  (1) Tổng số thực hiện trong tháng: Bao gồm cả số phát sinh mới và số tiếp tục được chi trả chế độ từ tháng trước chuyển sang.  (2) Số được hưởng 1 lần: “Số phát sinh mới trong tháng” bằng “Tổng số thực hiện trong tháng” (giá trị cột 2 bằng giá trị cột 6).  (3) Bao gồm cả tai nạn lao động khi tham gia giao thông, tai nạn trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc. | | | | | | | | | | |